

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lần đá) tại thôn Phú Thạnh,
xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
(nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐCP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lần đá) tại thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk) của Công ty cổ phần Tài nguyên Phú Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 10/10/2025 (kèm theo Công văn số 20.20251/TNPH ngày 14/11/2025 của Công ty cổ phần Tài nguyên Phú Hòa);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0471/TTr-SNNMT ngày 09/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lẫn đá) tại thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Tài nguyên Phú Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Phú Thạnh, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã Phú Hòa 2;
- Công ty cổ phần Tài nguyên Phú Hòa;
- (Đ/c: Thôn Đông Bình, phường Tuy Hòa)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lẫn đá) tại khu vực
thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh
Phú Yên (nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lẫn đá) tại thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk).

- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Phú Thạnh, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tài nguyên Phú Hòa.

- Dự án Khai thác khoáng sản nhóm IV (đất lẫn đá) tại thôn Phú Thạnh, xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk) được UBND tỉnh Phú Yên (cũ) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29/6/2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án thực hiện trên diện tích 14,855 ha (bao gồm khu vực chế biến có diện tích 0,79 ha nằm trong diện tích của dự án) tại thôn Phú Thạnh, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk. Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

TT	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1445539,00	574603,00
2	1445101,73	574847,72
3	1445103,32	574816,39
4	1445070,88	574819,83
5	1445052,64	574818,70
6	1445012,46	574801,68
7	1444920,00	574718,00
8	1445370,00	574322,00

- Quy mô đầu tư: Đầu tư khai thác đất với khối lượng khoảng 1.704.877 m³ nguyên khai, công suất khai thác là 200.000m³ nguyên khai/năm; khai thác đá tảng lẫn (đá lẫn trong tầng đất) làm vật liệu xây dựng thông thường với khối lượng khoảng 176.392 m³ nguyên khai, công suất khai thác 20.693 m³ nguyên khai/năm; Công suất chế biến đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường: 17.175 m³ thành phẩm/năm.

- Loại hình dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp và đắp nền móng công trình, khai thác và chế biến đá tảng lẫn làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Thời gian khai thác: 9,5 năm

1.3. Quy trình công nghệ khai thác và chế biến:

- Công nghệ khai thác đất, đá: Công nghệ khai thác mỏ lộ thiên (không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp), cụ thể như sau:

+ Thiết bị khai thác → Đào tách đất → Xúc bốc lên xe tải → Vận chuyển đất đến công trình xây dựng.

+ Thiết bị khai thác → Đào tách đá (đá tảng lẫn) → Thiết bị máy chẻ thủy lực → Chẻ đá tảng lẫn có kích thước quá cỡ → Gom đồng → Xúc bốc lên xe tải → Vận chuyển đá đến khu chế biến.

- Công nghệ chế biến: Thiết bị máy chẻ thủy lực → Chẻ đá thành các kích cỡ khác nhau (20x20x40 cm; 20x20x25 cm; 15x20x25 cm; 15x15x20 cm) → Vận chuyển đến công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

a) Hạng mục công trình: Thực hiện các hạng mục trong diện tích khai thác 14,855ha gồm: Tạo moong khai thác; thi công mặt bằng khu chế biến 0,79ha; thi công đường nội bộ mở; lắp đặt nhà làm việc (nhà tạm), trạm cân và hệ thống lưu trữ dữ liệu; thi công tạo rãnh thoát nước mưa,... Ngoài ra đầu tư 1 tuyến đường ngoài khu vực khai khác nhằm kết nối với tuyến đường ĐT 648 với chiều dài 500m, đường rộng 10m.

b) Hoạt động của Dự án:

- Tập kết công nhân, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công;

- Phát dọn thực bì; dọn dẹp tạo mặt bằng;

- Thi công các hạng mục công trình: Lắp đặt nhà làm việc (nhà tạm), trạm cân và hệ thống lưu trữ dữ liệu; san gạt bãi chứa nguyên liệu và thành phẩm; xây dựng tuyến đường nội bộ mở và đường vận chuyển ngoài mở; lắp đặt biển báo giao thông...

- Khai thác đất san lấp, đá vật liệu xây dựng thông thường và chế biến đá

- Cải tạo phục hồi môi trường: Trồng cây xanh, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm, trả lại mặt bằng....

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực ngập nước theo quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất ngập nước, bảo vệ các loài có trong sách đỏ đang sinh sống và di trú theo mùa. Không có các loại rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp phải bảo vệ,... Vì vậy, Dự án không có các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Các hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- **Giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường:** Tiến hành mở vỉa tạo mặt bằng khai thác, san gạt mặt bằng khu chế biến; lắp đặt nhà làm việc (nhà tạm), trạm cân và hệ thống lưu trữ dữ liệu; xây dựng tuyến đường nội mỏ và đường vận chuyển ngoài mỏ; thi công tạo rãnh thoát nước mưa; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

- **Giai đoạn hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

+ Hoạt khai thác: Hoạt động khai thác, san gạt, đào và bốc xúc đất; hoạt động từ phương tiện thi công, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

+ Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường: Tháo dỡ nhà làm việc (nhà tạm), trạm cân và hệ thống lưu trữ dữ liệu; san gạt trả lại mặt bằng; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- **Giai đoạn thi công, xây dựng**

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, phát sinh với lưu lượng khoảng 0,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là: BOD₅, COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform....

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng phát sinh khoảng 0,01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công xây dựng với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát, lá cây....

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên giai đoạn vận hành phát sinh với lưu lượng khoảng $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$, giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường phát sinh với lưu lượng $0,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5 , COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát, lá cây....

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- ***Giai đoạn thi công xây dựng:*** Bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công tuyến đường đất vận chuyển ngoài mỏ, san gạt thảm thực bì, tạo mặt bằng khai thác; lắp đặt nhà tạm, trạm cân, rãnh thoát nước mưa và hố lắng tạm,..... Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x , SO_2 . Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

- ***Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*** Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào bóc xúc đất, vận chuyển đất đá; hoạt động cải tạo sườn tầng, gia cố bờ moong khai thác, san ủi đất tầng phủ moong khai thác, tháo dỡ và di dời các hạng mục công trình... Thành phần chủ yếu: Bụi tổng, CO, NO_x , SO_2 , ... Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, bụi hạt lớn sẽ lắng đọng, phát tán trong phạm vi khai thác, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án và dọc tuyến đường vận chuyển,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

- ***Giai đoạn thi công, xây dựng:*** Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng $1,5 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

- ***Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*** Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành phát sinh khoảng $6 \text{ kg}/\text{ngày}$; giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh khoảng $2,4 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- ***Giai đoạn thi công, xây dựng:*** Chất thải thực bì từ hoạt động phát dọn mặt bằng là chủ yếu, với lượng phát sinh khoảng 60,885 tấn.

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*

+ Đất, đá thải: Hiện trạng thực tế không có tầng phủ, dự án chừa lại lớp sản phẩm phong hóa bề mặt để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác; Đá thải vụn của dự án (sau chế đá) được tận dụng toàn bộ để làm đường vận tải

trong khai trường, san mặt bằng khu chế biến để sản xuất đá che, bảo dưỡng, duy tu tuyến đường vận chuyển.

+ Chất thải thực bì: trong giai đoạn khai thác tiếp tục phát dọn cây bụi là chủ yếu, với lượng phát sinh khoảng 547,965 tấn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- ***Giai đoạn thi công, xây dựng:*** Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị xây dựng phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng rất ít khoảng 10kg/toàn dự án. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu,...

- ***Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*** Phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận hành dự án với tổng khối lượng khoảng 12 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Dự án làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông, làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông,.....

- Mất an toàn lao động có thể xảy ra nếu không tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo quy định;

- Hiện tượng sạt lở bờ moong trong quá trình khai thác có thể xảy ra nếu không đảm bảo góc dốc bờ moong khai thác, chiều cao tầng khai thác và không đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ mỏ theo quy định;

- Nước mưa chảy tràn có thể gây sạt lở, sụt lún cuốn trôi bùn đất ra khu vực xung quanh ảnh hưởng đến canh tác của người dân, khu vực xung quanh; gây hư hỏng đường giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- ***Giai đoạn thi công, xây dựng***

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động để thu gom; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước thải thi công: Hạn chế, tiết kiệm lượng nước trong quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị và trộn bê tông; khai thông các rãnh nước thải để lắng tạm thời, thoát ra môi trường....

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Không để phế thải, cát xây dựng rơi vào rãnh thoát nước gây tắc nghẽn; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các tuyến mương, rãnh thoát nước mưa.

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:*

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động để thu gom; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Trong giai đoạn khai thác, xây dựng rãnh thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 1.450m và 02 hố lắng (ở phía chân mỏ), có kích thước dài 36m x rộng 20m x sâu 1,2m, do địa hình cao hơn so với mặt bằng xung quanh nên thoát nước nhanh không đọng lại trong moong khai thác và nước trong hố lắng tự thấm khô sau khi kết thúc mưa; trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường tạo rãnh thoát nước mưa tự nhiên.

4.1.2. *Đối với xử lý bụi, khí thải*

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo phục hồi môi trường như:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phải tuân theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải.

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín lên thùng xe nhằm hạn chế bụi đất rơi vãi trên đường vận chuyển; phải tuân thủ chở đúng khối lượng, tốc độ, tải trọng của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định.

- Thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư vào những ngày thời tiết nắng nóng tần suất tối thiểu 02 - 3 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi, tưới nước và vệ sinh đường nếu để xảy ra tình trạng rơi vãi bùn đất trên đường vận chuyển. Vệ sinh các phương tiện ra, vào khu vực Dự án, hạn chế tối đa tình trạng bùn đất bám dính vào bánh xe, gây rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án khi thời tiết có mưa, gió...

- Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo tuyến đường vận chuyển vào khu vực mỏ đất để chính quyền, người dân biết phòng tránh.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác mỏ để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe.

- Thường xuyên phối hợp với địa phương duy tu, sửa chữa tuyến đường để vận chuyển (nếu hư hỏng) để người dân đi lại được thuận lợi.

Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại và chứa đựng trong thùng đựng rác; chất thải rắn tái chế bán cho đơn vị thu mua phế liệu, chất thải còn lại xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Đối với chất thải phát sinh từ phát dọn thực bì được thu gom và cho người dân tận thu, phần cành nhánh nhỏ và lá được thu gom chôn lấp cùng đất tầng phủ để trồng cây; đối với chất thải từ hoạt động tháo dỡ nhà tạm, trạm cân,... được thu gom tái sử dụng, phần còn lại sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Biện pháp quản lý chất thải nguy hại: Được thu gom và lưu chứa tại thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định khác liên quan

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông trong khu vực có dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển trong khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

4.3.2. Giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường

- Sử dụng các thiết bị thi công đã đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động cho công nhân hoạt động khai thác biết, thực hiện.

- Cấm biển báo nguy hiểm tại những vị trí cần thiết để người và thiết bị ra vào công trường được an toàn. Phân công, tổ chức điều khiển phương tiện giao thông tại Dự án, lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu những khu vực nhạy cảm, khu vực giao nhau nhằm đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động tại công trường. Các phương tiện di chuyển sẽ chấp hành đúng những quy định của cơ quan quản lý địa phương.

- Bố trí hộp y tế dự phòng (thuốc cấp cứu, cứu thương) cho các công nhân lao động tại công trường trong trường hợp khẩn cấp.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy trong giai đoạn khai thác, cải tạo phục hồi môi trường của Dự án.

- Xây dựng phương án và thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống báo cháy được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng hoạt động theo đúng quy định phòng cháy, chữa cháy.

- Trong quá trình hoạt động của Dự án, ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được cơ quan chức năng chấp thuận theo quy định.

- Tuyên truyền cán bộ, công nhân viên làm việc tại mỏ hiểu biết, nắm bắt và thành thạo công tác phòng chống cháy, nổ và luôn ở trạng thái thường trực, sẵn sàng.

- Thực hiện đúng quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo thiết bị máy móc định kỳ trước khi đưa vào khai thác.

c. Phòng ngừa sự cố sạt lở, sụt lún:

Để phòng ngừa sự cố sạt lở, sụt lún gây ảnh hưởng khu vực xung quanh, Chủ đầu tư thực hiện các phương án sau:

- Đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước tại các khu vực khai thác tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng cục bộ;
- Nếu có xảy ra sự cố sạt lở, sụt lún, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức tiến hành san gạt, nạo vét, khai thông đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;
- Trong quá trình khai thác phải thực hiện đúng theo quy trình, trình tự thiết kế, khai thác đã được cơ quan chức năng phê duyệt, đảm bảo chất lượng;
- Tăng cường ổn định vỉa khai thác theo quy định;
- Theo dõi để kịp thời xử lý nếu xảy ra sạt lở, phối hợp cùng với địa phương để khắc phục sự cố (nếu xảy ra)..

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Đối với bãi thải tạm: khi đổ đất đá đến đâu san gạt, lu lèn ổn định bề mặt tới đó; hàng năm tiến hành kiểm tra, duy tu, gia cố để ngăn chặn sạt lở, nhất là mùa mưa lũ.
- Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, tu sửa tuyến đường đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển; tiến hành trồng cây và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

- Khu vực khai thác: San gạt đáy moong khai thác với tổng diện tích 138.436 m², khối lượng cần san gạt khoảng 69.218 m³; Gia cố, cải tạo sườn tầng với diện tích 10.110m², khối lượng khoảng 30.330m³.
- Các hạng mục công trình tạm: Tháo dỡ nhà bảo vệ tạm với diện tích là 24m²; tháo dỡ trạm cân và thiết bị đo đạc với tổng diện tích là 40m², 20m³ móng bê tông cốt thép; san lấp rãnh thoát nước mưa khoảng 362,5m³, 02 hố lắng nước mưa (mỗi hố là 864m³) và các hạng mục khác có liên quan đến thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định.
- Lắp đặt biển báo nguy hiểm, an toàn giao thông: 02 biển báo;
- Trồng cây xanh khu vực đáy moong với diện tích 138.436m²; trồng dặm và chăm sóc cây.
- Đo vẽ bản đồ và hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: 3.188.367.200 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm đồng)

- Số lần ký quỹ: 9 lần.

+ Lần đầu (lần 01), số tiền ký quỹ: 797.091.800 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm, chín mươi bảy triệu, chín mươi một nghìn, tám trăm đồng)

+ Số tiền ký quỹ các năm còn lại: 298.909.425 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng). Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ dự án phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ, Phát triển rừng và Môi trường Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư: Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện Chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

6.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 01 điểm (tại khu vực chế biến).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO₂.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải.

- Thông số giám sát: Thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

6.2. Giai đoạn vận hành

a. Giám sát chất lượng không khí

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 vị trí tại khu vực chế biến; 01 vị trí khu vực khai thác tại cuối hướng gió chính)
- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.
- Thông số giám sát: Thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

c. Giám sát khác (trượt lở moong, sạt lở đất, cháy rừng)

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Vị trí giám sát: Các điểm có nguy cơ cao.
- Nội dung giám sát: Kiểm tra khu vực khai thác đảm bảo mức độ an toàn theo thiết kế, không để xảy ra tình trạng sạt lở đất ra môi trường,...

6.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Giám sát sự phát triển và chăm sóc cây: giám sát việc trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định liên quan. Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: Thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra việc thoát nước mưa, tránh hiện tượng ngập úng, tạo dòng chảy lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân. Tần suất giám sát: thường xuyên.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác khai thác, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản và khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành đến an toàn trong khai thác mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

7.4. Kiểm soát chặt chẽ độ sâu, cao trình khai thác; thường xuyên theo dõi giám sát xói lở khu vực khai thác và khu vực lân cận nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh tại dự án theo quy định.

7.5. Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

7.6. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong quá trình khai thác đất; tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các khu vực khai trường.

7.7. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt có phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

7.8. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.9. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn trong lao động và môi trường trong khu vực khai thác, các tuyến đường vận tải trong mỏ và ngoài mỏ nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường trong suốt quá trình hoạt động của mỏ và sau khi đóng cửa

mở; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác nhất là trước, trong và sau khi kết thúc khai thác.

7.10. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, bão lũ, sự cố môi trường hàng năm (trượt lở, sụt lún, sạt lở khu vực khai thác, đường vận chuyển) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.11. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác mỏ đất theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường đối với các hoạt động vận tải, thoát nước mỏ trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.12. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, dự phòng khắc phục sự cố môi trường (nếu có xảy ra) như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.13. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.14. Tháo dỡ các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.15. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

7.16. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường 2020./.